TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT
Ngày 01-6-2020
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại
do sức khỏe bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Văn Quản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc *"Tranh về yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất tinh thần và thiệt hại về tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST, ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện K, Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B1, xã T1, huyện K, Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị P (tên gọi khác Lê Khả M), sinh ngày 15/6/1999 (có mặt)

HKTT: Tổ 11, ấp C, xã T2, huyện Q, Bình Phước.

Địa chỉ liên lạc: Số 325/2 đường Đ1, thị trấn R, huyện P1, tỉnh Bình Thuận

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1980, chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B2-32841 giao xe cho chị Lê Thị P (là người dưới 18 tuổi,

không có giấy phép lái xe) lưu thông đi ngược chiều hướng Phan Rang - Phan Thiết va chạm với xe mô tô 86S1-6323 do ông đang lưu thông trên QL1A (tại Km 1635 + 500) thuộc địa phận thôn B1, xã T1, huyện K, tỉnh Bình Thuận. Hậu quả làm cho ông bị gãy dọc xương hàm trên và hàm gò má trái, tỷ lệ tổn tương cơ thể là 23% và xe mô tô biển số 86S1-6323 của ông bị hư hỏng.

Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm:

- Tiền xe cộng cấp cứu từ K đến Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP Hồ Chí Minh 5.000.000 đồng; Tiền chi mua vật dụng sử dụng trong bệnh viện 1.000.000 đồng; Tiền công nuôi bệnh từ ngày 04/3/2017 đến 20/4/2017 trong thời gian cố định 2 hàm răng bằng thun là 48 ngày x 250.000 đồng/ngày là 12.000.000 đồng; Tiền sữa Fresubin 200ml + các sữa khác từ ngày 04/3/2017 đến 20/4/2017 trong thời gian cố định hai hàm răng bằng thun là 48 ngày x 15.000 đồng/ngày là 7.200.000 đồng; Tiền xe ra viện và ở nhà trọ 02 ngày 1.510.000 đồng; Tiền xe đi lại tái khám từ K đến TP Hồ Chí Minh và ngược lại (03 lần 02 người đi, 03 lần 01 người đi) 3.690.000 đồng; Tiền cấp giấy chứng thương giám định y khoa + tiền xe đi từ K đi TP Hồ Chí Minh và ngược lại 460.000 đồng; Tiền viện phí có hóa đơn tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 16/3/2017 là 5.883.311 đồng; Tiền viện phí có hóa đơn tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 16/3/2017 là 107.964 đồng; Tiền viện phí có hóa đơn tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 16/3/2017 là 726.000 đồng; Tiền chụp phim tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 04/5/2017 là 160.000 đồng; Tiền chụp phim tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 22/5/2017 là 116.000 đồng; Tiền chụp phim có hóa đơn tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh ngày 24/11/2017 là 320.000 đồng.

- Tiền khám có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 16/6/2017 là 100.000 đồng; tiền khám có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 16/6/2017 là 794.000 đồng; Tiền khám có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 28/6/2017 là 100.000 đồng; Tiền chụp phim tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 28/6/2017 (gồm 03 hóa đơn), tổng cộng 1.296.000 đồng; Tiền thuốc có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 28/6/2017 là 958.000 đồng;Tiền khám có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 27/7/2017 là 100.000 đồng; Tiền thuốc có hóa đơn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 27/7/2017 là 277.000 đồng; Tiền chụp phim tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh ngày 28/6/2017 (gồm 03 hóa đơn), tổng cộng là 1.296.000 đồng;

- Tiền khám có hóa đơn tại Bệnh viện đa khoa An Phước ngày 17/7/2017 là 75.000đồng; Tiền chụp phim Xquang có hóa đơn tại Bệnh vện An Phước ngày 17/7/2017 là 210.000đồng; Tiền xe từ K đi Phan Thiết ngày 17/7/2017 là 200.000 đồng;

- Tiền thuốc có hóa đơn tại nhà thuốc Yến Chi ngày 27/7/2017 là 504.000 đồng;

- Tiền xe đi giám định pháp y quốc gia (lần 1) là 430.000 đồng; Tiền 01 ngày công của 01 người đi khám là 300.000 đồng; Tiền xe đi giám định pháp y phân viện khoa học (đi lần 1) là 410.000 đồng; Tiền công lao động của người đi khám ngày 23 và 24/11/2017 là 600.000 đồng;

- Tiền ở nhà nghỉ 01 ngày cho người đi khám bệnh là 200.000 đồng;Tiền xe đi giám định pháp y phân viện khoa học (đi lần 2) là 500.000 đồng; Tiền khám và chụp phim có hóa đơn tại Bệnh viện Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh ngày 23/11/2017 là 1.300.000 đồng

- Tiền thuốc có hóa đơn tại Bệnh viện Mắt Cao Thắng TP. Hồ Chí Minh ngày 24/11/2017 là 40.000 đồng;

- Tiền xe ôm tổng cộng đi khám các bệnh viện TP. Hồ Chí Minh ngày 23 và 24/11/2017 là 270.000 đồng.

- Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 1.210.000 x 12 tháng là 14.520.000 đồng

- Tiền công lao động bị mất 06 tháng x 9.000.000 đồng/tháng là 54.000.000 đồng

Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm: Tiền sửa xe mô tô biển số 86S1-6323 là 3.500.000 đồng

Nay, ông yêu cầu bà Bùi Thị N là chủ xe mô tô biển số 86B2-32841 phải bồi thường số tiền 119.396.000 đồng.

Ngày 15/01/2018 chị Lê Thị P bồi thường trước cho ông 5.000.000 đồng.

Bị đơn - Bà Bùi Thị N trình bày: Bà thừa nhận là có lỗi khi giao xe cho người không đủ điều kiện để điều khiển tham gia giao thông đường bộ. Tuy nhiên, sự việc xảy ra là ngoài ý muốn nên bà mong ông T xem xét lại để bà có khả năng bồi thường. Nếu ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu như tại đơn khởi kiện thì bà đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị Lê Thị P đã trưởng thành và lao động được nên sau này bà với chị P tự thỏa thuận với nhau về số tiền bồi thường cho ông T, còn hiện nay bà đồng ý bồi thường cho ông T theo đúng các khoản chi phí hợp lý sau khi trừ đi số tiền 5.000.000 đồng trước đây chị P đã bồi thường cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Bùi Thị N là đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật các khoản chi phí hợp lý cho việc điều trị thương tích. Đối với số tiền 5.000.000 đồng chị đã bồi thường trước cho ông T, chị đề nghị Tòa cấn trừ vào số tiền mà Tòa quyết định buộc bà N bồi thường cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số số 17/2019/DS-ST, ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 588, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn T: Buộc bị đơn Bùi Thị N bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tổn thất tinh thần cho ông Nguyễn Văn T số tiền 24.564.311 đồng *(Hai mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm mười một đồng)*. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu bị đơn Bùi Thị N bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần 84.960.833 và tiền thiệt hại về tài sản (chi phí sửa chữa xe mô tô 86S1-6323) 3.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019 nguyên đơn Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng:

- Giai đoạn sơ thẩm: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thu tạm ứng án phí, không thụ lý yêu cầu bồi thường về tài sản nhưng vẫn xem xét, giải quyết yêu cầu này là ảnh hưởng quyền khởi kiện của nguyên đơn.

- Giai đoạn phúc thẩm: Các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản tiền ông T thuê xe đi cấp cứu; tiền bồi thường tổn thất về tinh thần bằng 04 tháng lương là quá thấp, cần tăng lên 10 tháng và bổ sung áp dụng khoản 2 Điều 601 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm số tiền là 119.396.000 đồng. Như vậy, trong vụ án này nguyên đơn có hai yêu cầu gồm: Yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là 115.896.000 đồng và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (xe mô tô biển số 86S1-6323 bị hư hỏng) là 3.500.000 đồng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tạm ứng án phí: Khoản 1 Điều 25: "*Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án về*

tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, trừ trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng án phí"; Khoản 1 Điều 12 quy định trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí: "*Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín*".

Trong trường hợp này, lẽ ra trước khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần yêu cầu ông Nguyễn Văn T giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc sửa chữa chiếc xe mô tô biển số 86B2-32841 bị hư hỏng. Nếu đương sự chưa sửa chữa thì cần hướng dẫn họ rút yêu cầu này để Tòa án giải quyết sau. Trường hợp họ không rút thì ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án chỉ thụ lý yêu cầu này sau khi đương sự giao nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn chưa sửa chữa xe nên chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ cũng như chưa nộp tiền tạm ứng án phí nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm để nguyên đơn khởi kiện bằng một vụ án khác mới đảm bảo quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nguyên đơn.

Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra:

Điều 601 BLDS 2015 quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra: "*Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thoả thuận khác*".

Điều 2 Mục III, Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra: "*Trong trường hợp chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ không theo đúng quy định của pháp luật mà gây thiệt hại, thì chủ sở hữu phải bồi thường thiệt hại*".

Do vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận để bà Bùi Thị N là chủ xe mô tô biển số 86B2-32841 phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T mà không yêu cầu chị Lê Thị P liên đới bồi thường là hợp lý.

[2] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe và bù đắp tổn thất tinh thần của nguyên đơn:

Trong vụ án này, các đương sự đều thống nhất về hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, về lỗi cũng như trách nhiệm bồi thường. Các bên chỉ tranh chấp về mức bồi thường. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền là 115.896.000 đồng, bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường các khoản chi phí hợp lý.

Xét các khoản yêu cầu bồi thường cụ thể của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

- Đối với các khoản tiền chi phí điều trị thương tích, tiền thuốc và mua vật dụng sinh hoạt tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh 8.899.311 đồng; tiền chi phí giám định tại Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh 500.000đồng; tiền chi phí giám định tại Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận có hóa

đơn chứng từ của Bệnh viện đa khoa An Phước 285.000 đồng. *Tổng cộng* 9.684.000 đồng. Đối với các khoản chi phí này có hóa đơn chứng từ hợp lệ và là chi phí hợp lý, nên cấp sơ thẩm chấp nhận là hợp lý.

- Tiền xe cấp cứu từ K đến Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP Hồ Chí Minh nguyên đơn yêu cầu 5.000.000 đồng. Do không có hóa đơn chứng từ hợp lệ nên cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận ở mức 1.080.000đồng (đi và về cho 02 người). Tuy không có hợp đồng, nhưng để thuê một chiếc xe ô tô đi từ K đến Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP Hồ Chí Minh (quãng đường gần 300km) thời điểm hiện nay tối thiểu cũng phải trả 2.500.000 đồng (lượt đi), khi về hai người đi xe khách phải chi phí tối thiểu 280.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu thanh toán 5.000.000 đồng là quá cao và Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận ở mức 1.080.000 đồng là quá thấp. Nên cần chấp nhận mức 2.780.000 đồng là phù hợp;

- Tiền tàu xe đi tái khám, đi giám định là thực tế và hợp lý nên chấp nhận ở mức như sau: Tiền tàu xe đi tái khám và đi giám định tổng cộng 08 lần (16 lượt) từ K đi TP. Hồ Chí Minh và ngược lại, với mức 140.000 đồng/người/lượt, thành tiền 2.240.000đồng; Tiền xe đi giám định từ K đi TP. Phan Thiết và ngược lại, với mức 50.000đồng/người/lượt, thành tiền 100.000đồng; Tiền thuê xe ôm đi từ Bến xe Miền Đông đến bệnh viện điều trị 02 người 04 lượt), tái khám và giám định (16 lượt), tổng cộng 20 lượt, với mức 50.000đồng/người/lượt, thành tiền 1.000.000đồng. Tổng cộng 3.340.000 đồng.

- Khoản tiền mất thu nhập nguyên đơn yêu cầu bồi thường 54.000.000 đồng; cấp sơ thẩm trên cơ sở phân tích, lập luận và căn cứ vào tình trạng thương tích, công việc của nguyên đơn và mức thu nhập ở địa phương để chấp nhận mức 7.500.000 đồng là hợp lý.

- Tiền công người nuôi bệnh: nguyên đơn yêu cầu 48 ngày x 250.000 đồng/ngày, số tiền 12.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận 12 ngày với mức 200.000 đồng/ngày, thành tiền là 2.400.000 đồng là chưa phù hợp nên cần tăng lên 30 ngày (tương đương thời gian mất thu nhập của ông T) với số tiền 6.000.000 đồng.

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần nguyên đơn yêu cầu 1.210.000 x 12 tháng là 14.520.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận ở mức 04 tháng lương tối thiểu (5.560.000 đồng) là chưa phù hợp vì nguyên đơn bị tổn thương cơ thể 23%, gây đau đớn về thể xác cũng như tinh thần; hơn nữa vết thương ở vùng mặt, ảnh hưởng nhiều đến thẩm mỹ. Cho nên, cần chấp nhận yêu cầu 1.210.000 x 12 tháng là 14.520.000 đồng.

- Đối với các khoản chi phí tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm chẩn đoán y khoa thân dân 724, Bệnh viện Cao Thắng TP. Hồ Chí Minh và tại Nhà thuốc Yến Chi là do nguyên đơn tự đi, không có chỉ định của bác sỹ Bệnh viện Răng Hàm Mặt TP. Hồ Chí Minh, nơi điều trị cho nguyên đơn, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bồi thường tiền sữa Fresubin 200ml + các sữa khác từ ngày 04/3/2017 đến 20/4/2017 trong thời gian cố định hai hàm răng bằng thun là 48 ngày x 15.000đồng/ngày thành tiền 7.200.000 đồng nhưng không được cấp

sơ thẩm chấp nhận. Xét thấy, ông T bị gãy xương hàm nên không thể ăn uống bình thường, ảnh hưởng sức nhai nên cần có chế độ dinh dưỡng phù hợp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là thiếu sót, trái lại nguyên đơn yêu cầu thời gian 48 ngày là quá dài. Nên cần chấp nhận bồi thường 20 ngày với mức 15.000 đồng/ngày số tiền 3.000.000 đồng là hợp lý.

Như vậy, tổng thiệt hại của ông Nguyễn Văn T là 46.824.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T đã được bên gây thiệt hại bồi thường 5.000.000 đồng nên nay còn được bồi thường tiếp 41.824.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót, vi phạm trong việc thụ lý, giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sai sót trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Tuy nhiên không cần thiết phải hủy bản án như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn mà chỉ cần sửa một phần bản án cũng đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của các bên đương sự.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST, ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K.

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (xe mô tô biển số 86S1-6323 bị hư hỏng) của ông Nguyễn Văn T.

2. Áp dụng: Điều 584, 585, 586, 588, 590, 601 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bà Bùi Thị N tiếp tục bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho ông Nguyễn Văn T số tiền 41.824.000 đồng (bốn mốt triệu tám trăm hai bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự: khoản 1, 4 Điều 26; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Bùi Thị N phải nộp 2.091.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0029344 ngày 11/12//2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Việt Minh